

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Chung.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Minh Lý.**

2. Bà **Trần Thị Kim Phụng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hằng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Lưu Kim Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.
Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Chu Văn Th, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2019 và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn trình bày: Bà C và ông Chu Văn Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương ngày 23/11/1999. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, ông

T không đi làm, mọi việc trong gia đình do một mình bà C quán xuyến. Hơn nữa, ông T rất gia trưởng, thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà C. Từ tháng 5/2019, do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bà C đã đưa các con đi nơi khác sinh sống.

Nay bà C xác định bà không còn tình cảm với ông T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung, quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung tên Chu Nguyễn Cẩm P, sinh ngày 16/12/2001; Chu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 30/10/2003 và Chu Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 23/02/2011. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, còn ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và cháu N. Vấn đề cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, ông Chu Văn Th là bị đơn trình bày: Ông T thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị C về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mặc dù, giữa ông T và bà C có phát sinh một số mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn và hiểu lầm nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Ông T luôn yêu thương vợ con, ông làm tất cả vì gia đình và không bao giờ suy nghĩ đến việc vợ chồng ly hôn. Ông T thừa nhận ông có đánh bà C do ghen tuông, ông nhận sai và hứa không tái phạm. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà C, ông T không đồng ý. Ông T mong muốn bà C suy nghĩ lại, bỏ qua tất cả để vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con trưởng thành.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, về con chung, ông T thống nhất ông trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu N; bà C trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, ông thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ các ý kiến và yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn ông Chu Văn Th về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Chu Văn Th tự nguyện kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 202, quyền số 01/99 ngày 23/11/1999 của Ủy ban nhân dân phường H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà C trình bày sau khi kết hôn, giữa bà và ông Chu Văn Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, mọi việc trong gia đình đều do bà C quán xuyến, ông T không phụ giúp cho bà. Bản thân ông T rất gia trưởng, thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà C, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần rạn nứt, không thể hàn gắn được. Từ tháng 5/2019, do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, bà C đã đưa các con đi nơi khác sinh sống. Hiện bà C xác định bà không còn tình cảm với ông T, cả hai đã sống ly thân nên bà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Chu Văn Th. Về phía ông T thừa nhận quá trình chung sống, giữa ông và bà C có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa trầm trọng đến mức vợ chồng phải ly hôn, ông luôn yêu thương vợ con, gia đình. Ông T thừa nhận có đánh bà C do ghen tuông, ông đã nhận ra sai lầm và hứa sửa chữa. Do đó, ông T không đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của bà C, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho các con.

Xét thấy, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà C và ông T đều xác định quá trình sống chung, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, thậm chí xảy ra đánh nhau. Mâu thuẫn giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết các vấn đề trong gia đình, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng, ngột ngạt. Tuy ông T không đồng ý ly hôn, nhưng ông không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, bà C và ông T không còn sống chung với nhau, việc vợ chồng quay về đoàn tụ là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C đối với ông Chu Văn Th là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Chu Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 23/02/2011. Ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Chu Nguyễn Cẩm P, sinh ngày 16/12/2001 và Chu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 30/10/2003.

Xét về điều kiện để nuôi dưỡng con chung, bà C và ông T đều có công việc và mức thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, ông T thống nhất trường hợp Tòa án giải quyết cho bà C ly hôn với ông, ông T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu N. Đối với cháu T còn nhỏ nên do bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, quá trình làm việc, cháu T trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ; cháu P và cháu N trình bày nguyện vọng được sống chung với cha trường hợp cha mẹ ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

của nguyên đơn về việc giao cháu Chu Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 23/02/2011 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Chu Nguyễn Cẩm P, sinh ngày 16/12/2001 và Chu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 30/10/2003 cho ông Chu Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn ông Chu Văn Th về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Chu Văn Th.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 202, quyển số 01/99 ngày 23/11/1999 do Ủy ban nhân dân phường H, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị C và ông Chu Văn Th)

- Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Chu Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 23/02/2011 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Giao 02 con chung là cháu Chu Nguyễn Cẩm P, sinh ngày 16/12/2001 và Chu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 30/10/2003 cho ông Chu Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên

không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị C và ông Chu Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số AA/2016 - 0034172 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung